

Số: 275/2025/QĐST-HNGĐ

Long Biên, ngày 09 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Trần Thu Tr, sinh năm 1982**

Căn cước công dân số: xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/05/2023.

Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z.

Trú tại: X, Y, Z.

- **Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1970**

Căn cước công dân số: xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021.

Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z.

Trú tại: Z, Y, Z.

- Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 05 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 05 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thu Tr và anh Trần Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận chị Trần Thu Tr và anh Trần Văn S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Xác định chị Trần Thu Tr và anh Trần Văn S có 02 con chung là: Trần Minh T, sinh ngày 16/01/2006 và Trần Hải A, sinh ngày 02/12/2007.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thu Tr và anh Trần Văn S: Giao cho anh Trần Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hải A. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Trần Thu Tr cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Cháu Trần Minh T đã thành niên trên 18 tuổi.

Chị Trần Thu Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.4. Về công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thu Tr và anh Trần Văn S mỗi người chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thu Tr chịu toàn bộ án phí án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai số 51896 ngày 15/05/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay, chị Trần Thu Tr được hoàn trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Tp Hà Nội;
- UBND phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. (GCN kết hôn số 74, quyển số 01/2005 ngày 30/08/2005);
- Chi cục THADS quận Long Biên, Tp Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Thạch Thị Hằng